

Số: 159/2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2015

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số điều của Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn một số Điều của Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn một số điều của Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định

mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg) về: trang bị, thay thế, quản lý, sử dụng xe ô tô; khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị), Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là Ban Quản lý dự án) và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là công ty nhà nước).

2. Xe ô tô thuộc phạm vi điều chỉnh tại Thông tư này bao gồm: xe ô tô phục vụ công tác (từ 4 đến 16 chỗ ngồi) và xe ô tô chuyên dùng được hình thành từ nguồn quy định tại Điều 2 Thông tư này.

3. Đối với xe ô tô phục vụ công tác tại các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang, căn cứ quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg, đặc điểm hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì xây dựng tiêu chuẩn, định mức, quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

4. Đối với xe ô tô phục vụ công tác tại cơ quan Việt Nam ở nước ngoài; xe ô tô phục vụ lễ tân, đối ngoại của Nhà nước thực hiện theo quy định riêng của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Nguồn hình thành xe ô tô

1. Xe ô tô phục vụ công tác và xe ô tô chuyên dùng được mua sắm từ các nguồn kinh phí sau:

a) Kinh phí được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Nguồn kinh phí từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định;

c) Nguồn vốn thuộc các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước về trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, nguồn hỗ trợ chính thức ODA, vốn vay ưu đãi, nguồn viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;

d) Nguồn vốn của công ty nhà nước.

2. Xe ô tô do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước viện trợ, biếu, tặng cho và các hình thức xác lập quyền sở hữu của Nhà nước khác theo quy định của pháp luật.



Chương II

TRANG BỊ, THAY THẾ XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ, BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN VÀ CÔNG TY NHÀ NƯỚC

Điều 3. Trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg

1. Việc trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên thực hiện như sau:

a) Văn phòng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được trang bị tối đa 03 xe ô tô/01 đơn vị.

b) Cục và các tổ chức tương đương trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được trang bị tối đa 02 xe ô tô/01 đơn vị.

c) Các đơn vị khác thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (các Vụ, Ban và các tổ chức tương đương) được trang bị tối đa 01 xe ô tô/01 đơn vị.

2. Việc trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung đối với Tổng cục và các tổ chức tương đương (sau đây gọi là Tổng cục) có chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên thực hiện như sau:

a) Văn phòng Tổng cục được trang bị tối đa 02 xe ô tô/01 đơn vị;

b) Cục và các tổ chức tương đương trực thuộc Tổng cục được trang bị tối đa 01 xe ô tô/01 đơn vị.

c) Các đơn vị khác thuộc Tổng cục được trang bị tối đa 01 xe ô tô/02 đơn vị. Trường hợp có số đơn vị lẻ, số lượng xe được trang bị bằng số lượng xe theo định mức của số đơn vị liền kề sau đó.

Ví dụ: - Trường hợp có hai (02) đơn vị, được trang bị tối đa 01 xe;
Trường hợp có ba (03) đơn vị, được trang bị tối đa 02 xe;

- Trường hợp có bốn (04) đơn vị, được trang bị tối đa 02 xe;
Trường hợp có năm (05) đơn vị, được trang bị tối đa 03 xe.

Điều 4. Trang bị, xử lý xe ô tô phục vụ công tác đối với Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước

1. Việc trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung đối với Ban Quản lý dự án có chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên (không kể kiêm nhiệm) theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg thực hiện như sau:

a) Đối với Ban Quản lý dự án trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được trang bị tối đa 02 xe ô tô/01 Ban Quản lý dự án;

b) Đối với Ban Quản lý dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được trang bị tối đa 01 xe/01 Ban Quản lý dự án.

2. Việc trang bị xe ô tô trực tiếp phục vụ công tác quản lý của từng dự án sử dụng nguồn vốn nhà nước (bao gồm cả nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) hoặc vốn viện trợ nước ngoài) được thực hiện theo Thông tư số 198/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là Thông tư số 198/2013/TT-BTC). Khi dự án kết thúc việc xử lý xe ô tô thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 30 ngày trước ngày kết thúc dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền, Ban Quản lý dự án có trách nhiệm báo cáo cơ quan chủ quản dự án để báo cáo Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương (đối với dự án thuộc trung ương quản lý); hoặc báo cáo Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (đối với dự án thuộc địa phương quản lý) về hiện trạng xe ô tô. Nội dung báo cáo gồm: số lượng, chủng loại, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng, nguyên giá, giá trị còn lại, tình trạng sử dụng xe và hồ sơ, giấy tờ có liên quan.

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương (đối với dự án thuộc trung ương quản lý) tổng hợp, gửi về Bộ Tài chính.

- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (đối với dự án thuộc địa phương quản lý) tổng hợp, gửi về Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phương án xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

d) Ban Quản lý dự án có trách nhiệm bảo quản xe ô tô theo đúng nguyên trạng trong thời gian chờ cơ quan có thẩm quyền xử lý; thực hiện bàn giao xe ô tô theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

3. Đối với Ban Quản lý dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) hoặc vốn viện trợ nước ngoài, việc xử lý xe ô tô khi dự án kết thúc thực hiện theo quy định của Hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp Hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt không quy định cụ thể thì việc xử lý xe ô tô được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.



Điều 5. Thay thế xe ô tô phục vụ công tác

Việc thay thế xe ô tô quy định tại Điều 8 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg (đối với xe ô tô phục vụ công tác quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg) thực hiện như sau:

1. Xe ô tô phục vụ công tác được thay thế khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Xe ô tô đã sử dụng vượt quá thời gian (15 năm) theo quy định tại Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước mà không thể tiếp tục sử dụng hoặc bị hư hỏng mà không đảm bảo an toàn khi vận hành theo kiểm định của cơ quan có chức năng;

b) Xe ô tô đã sử dụng ít nhất 250.000 km (đối với miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng hải đảo và vùng đặc biệt khó khăn là 200.000 km) mà không thể tiếp tục sử dụng hoặc bị hư hỏng mà không đảm bảo an toàn khi vận hành theo kiểm định của cơ quan có chức năng;

c) Xe ô tô đã được cấp có thẩm quyền quyết định điều chuyển cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án khác quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

2. Việc thay thế xe ô tô cũ được thực hiện theo một trong hai hình thức sau:

a) Nhận điều chuyển xe ô tô từ các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án khác;

b) Mua mới trong trường hợp không có xe ô tô để nhận điều chuyển theo quy định tại điểm a khoản này.

3. Khi được thay thế xe ô tô, trường hợp xe ô tô cũ được xử lý theo hình thức thanh lý thì số tiền thu được sau khi trừ các chi phí có liên quan theo quy định được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

Điều 6. Xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung hiện có tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án

Việc xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung hiện có tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án sau khi thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg thực hiện như sau:

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện:



a) Rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô hiện có tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg;

b) Xem xét, quyết định điều chuyển cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý còn thiếu xe theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg;

c) Báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Tài chính trước ngày 21 tháng 03 năm 2016 (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Căn cứ kết quả báo cáo của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài chính xem xét, xử lý số xe ô tô (còn lại) theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước như sau:

a) Quyết định điều chuyển cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, để bố trí xe ô tô phục vụ công tác cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án chưa có đủ xe theo tiêu chuẩn, định mức.

b) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chuyển trong các trường hợp đặc biệt theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

c) Các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này, Bộ Tài chính có ý kiến bằng văn bản đề các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện bán, thanh lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

d) Trong thời gian chờ cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bảo quản xe ô tô theo nguyên trạng đã báo cáo Bộ Tài chính.

3. Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện xử lý xe ô tô quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 7. Trang bị, xử lý xe ô tô chuyên dùng

1. Xe ô tô chuyên dùng quy định tại khoản 1 Điều 9 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg, bao gồm:

a) Xe gắn kèm trang thiết bị chuyên dùng hoặc có cấu tạo đặc biệt theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ gồm: xe cứu thương, xe cứu hoả, xe chuyên dùng chở tiền, xe chở phạm nhân, xe quét đường, xe phun nước, xe chở rác, xe ép rác, xe sửa chữa lưu động, xe trang bị phòng thí nghiệm, xe thu phát điện báo, xe sửa chữa điện, xe kéo, xe cần cẩu, xe tập lái, xe phục vụ thông tin liên lạc, xe phục vụ ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân, xe thanh sát hạt nhân...

b) Xe sử dụng cho nhiệm vụ đặc thù phục vụ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị - xã hội là xe không gắn kèm trang thiết bị chuyên dùng hoặc có cấu tạo đặc biệt theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ nhưng được sử dụng phục vụ cho nhiệm vụ đặc thù của ngành, lĩnh vực gồm: xe xét xử lưu động của ngành tòa án, xe chỉ đạo phòng chống lụt bão, xe tìm kiếm cứu nạn, xe kiểm lâm, xe thanh tra giao thông, xe phát thanh truyền hình lưu động, xe hộ đê, xe chở học sinh, sinh viên, xe chở diễn viên đi biểu diễn, xe chở vận động viên đi luyện tập và thi đấu...

2. Giá mua xe ô tô chuyên dùng

a) Đối với xe ô tô chuyên dùng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này hoặc xe ô tô từ 16 chỗ ngồi trở lên để phục vụ nhiệm vụ đặc thù quy định tại điểm b khoản 1 Điều này là giá bán xe trên thị trường tại thời điểm mua sắm do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

b) Đối với xe ô tô chuyên dùng không thuộc quy định tại điểm a khoản này, giá mua xe thực hiện như đối với xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại Điều 7 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg.

3. Sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc trung ương quản lý) và Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc địa phương quản lý) về định mức xe ô tô chuyên dùng (số lượng, chủng loại), Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành định mức (số lượng, chủng loại) xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý; đồng thời, gửi Bộ Tài chính (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc trung ương quản lý), Sở Tài chính (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc địa phương quản lý) và cơ quan Kho bạc Nhà nước để phối hợp trong quản lý, kiểm soát chi khi thực hiện mua sắm. Việc trang bị xe ô tô chuyên dùng được thực hiện theo định mức đã được ban hành theo quy định.

4. Căn cứ dự toán ngân sách được duyệt hàng năm; căn cứ định mức xe ô tô chuyên dùng do các Bộ, ngành và địa phương ban hành theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg và khoản 3 Điều này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc mua sắm, trang bị xe ô tô chuyên dùng (số lượng, chủng loại, mức giá) cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý.

5. Xe ô tô chuyên dùng được thanh lý khi đã quá thời gian sử dụng theo quy định mà không thể tiếp tục sử dụng được hoặc đã bị hư hỏng nhưng việc sửa chữa để tiếp tục sử dụng không hiệu quả, không đảm bảo an toàn khi vận hành theo kiểm định của cơ quan có chức năng của nhà nước.

Số tiền thu được từ thanh lý xe ô tô chuyên dùng sau khi trừ các chi phí liên quan theo quy định được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của

pháp luật về ngân sách nhà nước. Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

Điều 8. Trang bị xe ô tô tại công ty nhà nước

Việc trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ của công ty nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg thực hiện như sau:

1. Căn cứ vào nhu cầu trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ của công ty nhà nước, căn cứ khả năng tài chính của doanh nghiệp, giá bán xe ô tô trên thị trường, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định việc trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ của công ty nhà nước theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

2. Việc mua xe ô tô thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 9. Thâm quyền điều chỉnh mức giá mua xe ô tô

Thâm quyền quyết định giá mua xe ô tô trong các trường hợp có mức giá cao hơn mức giá quy định theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 11 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg thực hiện như sau:

1. Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án, công ty nhà nước cần thiết phải trang bị xe ô tô có giá cao hơn mức giá quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 10 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty xem xét, quyết định. Mức vượt tối đa không quá (5%) so với mức giá quy định.

2. Trường hợp cần thiết phải trang bị xe ô tô có giá cao hơn tối đa không quá (15%) so với mức giá quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 10 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty.

Văn bản đề nghị phải thể hiện các nội dung: sự cần thiết, lý do mua sắm xe ô tô, nguồn kinh phí mua xe.

Chương III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ, BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN VÀ CÔNG TY NHÀ NƯỚC

Điều 10. Hình thức quản lý xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án

Việc lựa chọn hình thức quản lý xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị,

Ban Quản lý dự án quy định tại Điều 12 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg thực hiện như sau:

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương giao đơn vị quản lý tài chính kế toán hoặc đơn vị được phân cấp quản lý (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc trung ương quản lý); Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Tài chính (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc địa phương quản lý), căn cứ số xe ô tô hiện có, mô hình tổ chức, tình hình cung cấp dịch vụ phương tiện đi lại của thị trường và khả năng ngân sách, chủ trì xây dựng phương án quản lý xe ô tô theo một trong hai hình thức sau:

a) Giao cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án trực tiếp quản lý để bố trí xe ô tô phục vụ công tác theo quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg và hướng dẫn tại Thông tư này;

b) Giao đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp dịch vụ công ích quản lý xe ô tô để bố trí xe phục vụ công tác cho các chức danh quy định tại Điều 5, Điều 6 và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án có tiêu chuẩn quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương quyết định (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc trung ương quản lý); Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc địa phương quản lý) lựa chọn hình thức quản lý xe ô tô quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp giao cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án trực tiếp quản lý để bố trí xe ô tô phục vụ công tác theo quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg:

a) Việc quản lý, sử dụng số xe ô tô hiện có thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg và quy định tại Điều 11 Thông tư này.

b) Việc thuê dịch vụ xe ô tô thực hiện theo quy định tại Điều 13 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg và quy định tại Điều 12 Thông tư này.

c) Việc khoán kinh phí để tự túc phương tiện thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg và quy định tại Điều 13 Thông tư này.

4. Trường hợp giao cho một (hoặc một số) đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp dịch vụ công ích quản lý xe ô tô để bố trí xe phục vụ công tác cho các chức danh cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án có tiêu chuẩn quy định, việc quản lý số xe ô tô thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg và quy định tại Điều 14 Thông tư này.



Điều 11. Quản lý, sử dụng xe ô tô hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án

Việc quản lý, sử dụng số xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Thông tư này được thực hiện như sau:

1. Giao cho đơn vị, cơ quan quản lý tài chính, tài sản làm đầu mối (hoặc trực tiếp) quản lý, sử dụng số xe ô tô hiện có theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg; thực hiện bố trí xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh đúng tiêu chuẩn, định mức. Trường hợp do yêu cầu công tác, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án xem xét, cho phép bố trí xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án cho các trường hợp không đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác.

2. Trường hợp cán bộ được cử đi công tác nhưng xe ô tô hiện có của đơn vị không đáp ứng được, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án xem xét, cho phép thuê xe ô tô để phục vụ công tác. Việc thuê xe ô tô thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

Điều 12. Thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác

Việc thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 Thông tư này thực hiện như sau:

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án quyết định việc thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác của cơ quan, đơn vị.
2. Việc thuê dịch vụ xe ô tô thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu.

Điều 13. Khoán kinh phí sử dụng xe ô tô

Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án quy định tại điểm c khoản 3 Điều 10 Thông tư này thực hiện như sau:

1. Đối với các chức danh quy định tại Điều 6 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg tự nguyện đăng ký thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg:

a) Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo từng công đoạn:

- Đưa đón hàng ngày từ nơi ở đến nơi làm việc;
- Khi đi công tác;
- Đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác.

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho chức danh theo từng công đoạn. Số tiền khoán được chi trả cùng với kỳ trả lương của đơn vị cho từng chức danh đã đăng ký thực hiện khoán.

c) Đơn giá khoán là đơn giá bình quân của phương tiện vận tải công cộng (đơn giá của các hãng xe taxi phổ biến trên thị trường) tại địa phương.

d) Mức khoán kinh phí được xác định như sau:

d.1) Trường hợp khoán kinh phí đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc hàng ngày, mức khoán được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức khoán} \\ \text{đưa đón} \\ \text{(MKđđ)} \\ \text{(đồng/tháng)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{khoán} \\ \text{(đồng/km)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số km} \\ \text{khoán} \\ \text{(km)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{02} \\ \text{lượt} \\ \text{(lượt)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số ngày} \\ \text{thực tế} \\ \text{đưa đón} \\ \text{từ nơi ở} \\ \text{đến nơi} \\ \text{làm việc} \\ \text{(ngày)} \end{array}$$

Trong đó:

- Số km khoán là khoảng cách thực tế từ nhà ở đến nơi làm việc của từng chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe đưa đón, do thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án xác định;

- 02 lượt: bao gồm 01 lượt đi và 01 lượt về trong một ngày làm việc;

- Số ngày thực tế đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc không bao gồm số ngày đi công tác.

d.2) Trường hợp khoán kinh phí khi đi công tác, mức khoán được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức khoán đi công} \\ \text{tác (MKct)} \\ \text{(đồng/tháng)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{khoán} \\ \text{(đồng/km)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Khoảng cách thực tế đi} \\ \text{công tác hàng tháng của} \\ \text{từng chức danh} \\ \text{(km)} \end{array}$$

Trong đó: Khoảng cách thực tế đi công tác là số km thực tế đi công tác hàng tháng của từng chức danh được xác định trên cơ sở lịch trình công tác thực tế của chức danh được Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án xác nhận.

d.3) Trường hợp khoán toàn bộ kinh phí (bao gồm: cả công đoạn đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và công đoạn khi đi công tác), mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức khoán toàn bộ} \\ \text{(MK tb)} \\ \text{(đồng/tháng)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{MKđđ} \\ \text{(đồng/tháng)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{MKct} \\ \text{(đồng/tháng)} \end{array}$$

2. Trường hợp các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác theo quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg tự nguyện đăng ký thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi đi công tác: Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án quyết định việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi đi công tác cho từng chức danh; mức khoán kinh phí thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c và điểm d (d.2) khoản 1 Điều này.

3. Đối với các chức danh có đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô tại công ty nhà nước quy định tại Điều 10 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg tự nguyện thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô:

a) Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo từng công đoạn thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty nhà nước xem xét, quyết định việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các chức danh này.

c) Đơn giá khoán và mức khoán kinh phí thực hiện theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

4. Đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô do Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan xác định và thông báo làm cơ sở cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thực hiện. Khi đơn giá bình quân của phương tiện vận tải công cộng trên thị trường tăng, giảm trên 20% so với đơn giá khoán đã thông báo, Sở Tài chính thực hiện điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 14. Quản lý xe ô tô theo hình thức giao đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp dịch vụ công ích

Việc quản lý xe ô tô theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Thông tư này thực hiện như sau:

1. Căn cứ vào quy mô tổ chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương quyết định (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc trung ương quản lý); Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc địa phương quản lý) việc giao một (hoặc một số) đơn vị sự nghiệp công hoặc doanh nghiệp dịch vụ công ích quản lý xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý (sau đây gọi là đơn vị quản lý xe).

2. Đơn vị quản lý xe thực hiện:

a) Quản lý, bố trí xe ô tô để phục vụ công tác cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án theo đúng tiêu chuẩn, định mức tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg và quy định tại Thông tư này;

b) Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô theo chế độ quy định.

3. Việc lập dự toán, quyết toán kinh phí (chi phí quản lý và chi phí liên quan đến vận hành xe ô tô theo quy định) đối với đơn vị quản lý xe là đơn vị sự nghiệp công thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Việc lập dự toán, quyết toán kinh phí (chi phí quản lý và chi phí liên quan đến vận hành xe ô tô theo quy định) đối với đơn vị quản lý xe là doanh nghiệp dịch vụ công ích được thực hiện như sau:

a) Lập dự toán:

- Doanh nghiệp dịch vụ công ích xây dựng kế hoạch kinh phí (chi phí quản lý và chi phí liên quan đến vận hành xe ô tô theo quy định), gửi cơ quan quản lý tài chính của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc trung ương quản lý), gửi Sở Tài chính (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc địa phương quản lý).

- Cơ quan quản lý tài chính của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương xem xét, thẩm định trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương phê duyệt (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc trung ương quản lý); Sở Tài chính xem xét, thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc địa phương quản lý).

b) Quyết toán:

- Doanh nghiệp dịch vụ công ích lập quyết toán kinh phí thanh toán (chi phí quản lý và chi phí liên quan đến vận hành xe ô tô theo quy định), gửi cơ quan quản lý tài chính của Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc trung ương quản lý), gửi Sở Tài chính (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc địa phương quản lý).

- Cơ quan quản lý tài chính của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương hoặc Sở Tài chính xem xét, thẩm định trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương phê duyệt (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc trung ương quản lý); Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc địa phương quản lý).

c) Việc lập dự toán, quyết toán kinh phí (chi phí quản lý và chi phí liên quan đến vận hành xe ô tô) thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương có trách nhiệm:

a) Giao đơn vị quản lý tài chính kế toán hoặc đơn vị được phân cấp quản lý nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức, quản lý xe ô tô của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 12 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg và quy định tại Thông tư này;

b) Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý xây dựng định mức tiêu hao nhiên liệu đối với từng xe ô tô; theo dõi chi phí sử dụng thực tế đối với từng xe bao gồm: tiền lương lái xe, chi phí nhiên liệu, chi phí sửa chữa xe (bao gồm cả chi phí sửa chữa lớn được phân bổ hợp lý) và các chi phí liên quan đến vận hành, sử dụng xe ô tô theo quy định. Căn cứ định mức tiêu hao nhiên liệu, chi phí sử dụng thực tế của xe ô tô, giá cho thuê xe ô tô trên thị trường và đơn giá khoán xe ô tô quy định tại Thông tư này để xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg;

c) Thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg và quy định tại Điều 6 Thông tư này;

d) Kiểm tra việc mua sắm, trang bị, quản lý và sử dụng xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý để phát hiện xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời các sai phạm theo quy định tại Điều 20 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg và quy định tại Thông tư này;

đ) Thực hiện công khai việc quản lý, bố trí và sử dụng ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với các Sở, ngành có liên quan:

a) Thông báo đơn giá khoán xe ô tô trên địa bàn theo quy định tại Điều 13 Thông tư này;

b) Nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức, quản lý xe ô tô của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều 12 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg và quy định tại Thông tư này;

c) Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý xây dựng định mức tiêu hao nhiên liệu đối với từng xe ô tô; theo dõi chi phí sử dụng thực tế đối với từng xe bao gồm: tiền lương lái xe, chi phí nhiên liệu, chi phí sửa chữa xe (bao gồm cả chi phí sửa chữa lớn được phân bổ hợp lý) và các chi phí liên quan đến vận hành, sử dụng xe ô tô theo quy định. Căn cứ định mức tiêu hao

nhiên liệu, chi phí sử dụng thực tế của xe ô tô, giá cho thuê xe ô tô trên thị trường và đơn giá khoán xe ô tô quy định tại Thông tư này để xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg;

d) Thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg và quy định tại Điều 6 Thông tư này;

đ) Kiểm tra việc mua sắm, trang bị, quản lý và sử dụng xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án, công ty nhà nước thuộc phạm vi quản lý; phát hiện, báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời các sai phạm theo quy định tại Điều 20 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg và quy định tại Thông tư này;

e) Thực hiện công khai việc quản lý, bố trí và sử dụng ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 16. Xử lý chuyển tiếp

1. Việc xử lý xe ô tô đã mua trang bị để phục vụ công tác đối với chức danh quy định tại Điều 6 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg khi đã tự nguyện nhận khoán (toàn bộ các công đoạn, gồm: đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác) thực hiện theo nguyên tắc quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg và quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

2. Việc trang bị, mua sắm xe ô tô chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án đã được các Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương và địa phương ban hành tiêu chuẩn, định mức trước ngày 21 tháng 9 năm 2015 (ngày Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành) được thực hiện như sau:

a) Kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2015, căn cứ tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án thực hiện mua sắm xe ô tô chuyên dùng theo đúng tiêu chuẩn, định mức đã phê duyệt; giá mua xe ô tô chuyên dùng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg và quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này;

b) Trường hợp có thay đổi chức năng, nhiệm vụ ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng xe ô tô chuyên dùng, các Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương và địa phương thực hiện rà soát, xây dựng lại tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe chuyên dùng đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

3. Đối với xe ô tô của Ban quản lý dự án quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý trước ngày Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án xử lý đã được phê duyệt; trường hợp chưa có phương án phê duyệt thì thực hiện theo quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg và quy định Thông tư này.

Điều 17. Xử lý vi phạm

1. Việc xử lý vi phạm trong việc mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg.

2. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành (ngày 21 tháng 9 năm 2015), các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo về Bộ Tài chính kết quả rà soát số xe ô tô hiện có theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg và khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

Quá thời hạn nêu trên, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tạm thời chưa thực hiện mua sắm ô tô; Kho bạc Nhà nước không thanh toán việc mua xe ô tô khi chưa có báo cáo; đồng thời, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về việc chậm thực hiện báo cáo kết quả rà soát số xe ô tô hiện có.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2015.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 103/2007/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 7 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và công ty nhà nước; Thông tư số 06/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 103/2007/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 7 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và công ty nhà nước; Bãi bỏ các quy định có liên quan đến xử lý xe ô tô khi dự án kết thúc quy định tại Thông tư số 198/2013/TT-BTC.

3. Các trường hợp phát sinh kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2015 được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và hướng dẫn tại Thông tư này.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để phối hợp, giải quyết. /.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư; Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Toà án Nhân dân tối cao; Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT: Chính phủ, Bộ Tài chính, Cục QLCS;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLCS. (400)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Hữu Chí

BỘ (NGÀNH), TỈNH (THÀNH PHỐ):

Phụ lục số 01
(Kèm theo Thông tư số 159/2015/TT-BTC
của Bộ Tài chính)

TỔNG HỢP XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG HIỆN CÓ
(Đến ngày..... tháng..... năm...)

S T T	Tên đơn vị	Số lượng xe ô tô theo TCĐM (chiếc)	Số lượng xe ô tô hiện có (chiếc)	Chênh lệch so với định mức		Ghi chú
				Thiếu	Thừa	
Đối với Bộ, cơ quan thuộc CP, cơ quan, tổ chức khác ở TW						
1	Văn phòng Bộ	3				
2	Cục và các tổ chức tương đương trực thuộc Bộ					
2.1.	Cục A	2				
2.2.	Cục B	2				
2.3.	Trường A	2				
	...					
3	Vụ, Ban và các tổ chức tương đương thuộc Bộ					
2.1.	Vụ A	1				
2.2.	Vụ B	1				
					
4	Tổng cục và các tổ chức tương đương thuộc Bộ					
2.1.	Văn phòng Tổng cục	2				
2.2.	Cục thuộc Tổng cục	1				
2.3.	Các đơn vị khác thuộc Tổng cục	(*)				
5	Các Ban Quản lý Dự án	(**)				
5.1.	Ban Quản lý Dự án A					
5.2.	Ban Quản lý Dự án B					
	...					
	TỔNG CỘNG:				(***)	

S T T	Tên đơn vị	Số lượng xe ô tô theo TCĐM (chiếc)	Số lượng xe ô tô hiện có (chiếc)	Chênh lệch so với định mức		Ghi chú
				Thiếu	Thừa	
Đối với địa phương						
1	Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh ủy, UBND					
1.1.	VP tỉnh ủy	2				
1.2.	Văn phòng HĐND	2				
1.3.	Văn phòng UBND	2				
1.4.	Sở/Ban/ngành....	2				
					
2	Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành					
2.1.	Đơn vị A	1				
2.2.	Đơn vị B	1				
					
3	Các Ban Quản lý Dự án	(**)				
3.1.	Ban Quản lý Dự án A					
3.2.	Ban Quản lý Dự án B					
					
	TỔNG CỘNG:				(***)	

Ghi chú:

(*) Số lượng xe ô tô được xác định theo định mức 02 đơn vị/1 xe theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Thông tư số 159/2015/TT-BTC, Cột ghi chú: ghi tổng số đơn vị thuộc Tổng cục

(**) Định mức xe ô tô của từng BQLDA được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 159/2015/TT-BTC

(***) Đối với xe dôi dư (thừa) sau khi sắp xếp (nếu có) thì lập thêm báo cáo theo Phụ lục số 02.

BỘ (NGÀNH), TỈNH (THÀNH PHỐ):

Phụ lục số 02
(Kèm theo Thông tư số 159/2015/TT-BTC
của Bộ Tài chính)

TỔNG HỢP XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG DÔI DƯ SAU KHI SẮP XẾP
(Đến ngày..... tháng..... năm...)

STT	Tên xe, loại xe	Số lượng	Biển kiểm soát	Năm đưa vào sử dụng	Giá trị xe (đồng)		Đơn vị đang quản lý
					Nguyên giá theo sổ sách kế toán	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
1	Xe ô tô						
2	Xe ô tô						
	...						
	TỔNG CỘNG:						